| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **76**/2025/DS-PT
Ngày 25 - 02 - 2025
*(V/v tranh chấp chia thừa kế)*

**NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ninh Quang Thế**

*Các Thẩm phán*: Ông **Nguyễn Thành Lập**

Ông **Đặng Minh Trung**

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Hứa Như Nguyện** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa***: Bà **Từ Thanh Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 564/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp chia thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 261/2024/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 422/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* 1. Bà **Võ Ngọc B**, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bà **Võ Ngọc L**, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Bà **Võ Ngọc N**, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà B và bà L*: Bà Võ Ngọc N, sinh năm 1991 (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2024). Là đồng nguyên đơn trong vụ án.

*Bị đơn:* 1. Bà **Võ Thị Tuyết M**, sinh năm 1952 (vắng mặt).

2. Ông **Võ Việt K**, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của ông K:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: Số C, đường số B, khu phố B, phường P, quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2025) (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Lê Thị Bé M1**, sinh năm 1966 (có mặt). Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Ngọc N là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn bà Võ Ngọc N trình bày:* Cha mẹ bà Võ Ngọc B, bà Võ Ngọc L và bà Võ Ngọc N là ông Võ Văn Đ (chết năm 2014) và bà Võ Thị Tuyết M, chung sống từ năm 1972 có tạo lập một phần đất nuôi trồng thủy sản và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/6/2009. Tờ bản đồ số 04, thửa đất số 195, 196 với diện tích lần lượt là 10.864,5m$^2$ và 15.269,5m$^2$, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Cha mẹ bà có 04 người con chung tên Võ Ngọc B, Võ Ngọc L, Võ Việt K và Võ Ngọc N. Quá trình sử dụng đất cha bà chết không để lại di chúc cũng không có văn bản tặng cho ai. Do đó ½ diện tích phần đất trên là di sản của ông Đ để lại và các bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Sau khi ông Đ chết thì bà Võ Thị Tuyết M và ông Võ Việt K quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất này. Nay bà N, bà B và bà L cùng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phân chia theo quy định pháp luật cho bà Võ Ngọc B, bà Võ Ngọc L và bà Võ Ngọc N mỗi người nhận 2.613,4m$^2$ đất nêu trên. Phần đất theo đo đạc thực tế là 25.643,4m$^2$ và kết quả thẩm định giá là 1.841.681.400 đồng bà N và các nguyên đơn thống nhất không có ý kiến gì. Theo đo đạc thực tế thì diện tích giảm so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà N cùng các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia theo pháp luật với diện tích thực tế mỗi người nhận là 2.564,34m$^2$.

- *Bị đơn ông Võ Việt K trình bày:* Ông thống nhất phần trình bày của bà Võ Ngọc B, Võ Ngọc L và Võ Ngọc N, cha mẹ ông có tạo lập một phần đất nuôi trồng thủy sản, cha ông chết năm 2014 không để lại di chúc, hiện tại ông và mẹ ông là bà Võ Thị Tuyết M đang quản lý sử dụng phần đất trên. Nay ông thống nhất theo yêu cầu bà Võ Ngọc B, bà Võ Ngọc L và bà Võ Ngọc N phân chia di sản mà cha ông để lại theo quy định pháp luật. Hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Lê Thị Bé M1 đang giữ, lý do trước đây ông có vay vốn Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện P với số tiền 720.000.000 đồng, bà M1 đã trả tiền cho Ngân hàng và giữ giấy chứng nhận khoảng tháng 10/2022 cho đến nay.

Phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 25.643,4m$^2$ và kết luận định giá là 1.841.681.400 đồng ông thống nhất kết quả trên không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bé M1 trình bày:* Tại bản án dân sự số 77/2022/DS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân ông K và bà M có nghĩa vụ trả bà số tiền 1.318.000.000đ, 2,8 lượng vàng 24K, 9,2 lượng vàng 18K, khi bà yêu cầu thi hành án giữa bà và bà M, ông K thỏa thuận bà M và ông K sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ và bà M đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện P nên bà đồng ý trả tiền cho ngân hàng và lấy Giấy chứng nhận về để làm hợp đồng chuyển nhượng. Bà đã trả NH số tiền 720.000.000 đồng vào ngày 20/10/2022. Sau khi trả tiền xong lấy Giấy chứng nhận về thì giữa bà, bà

M, ông K, bà L, bà B và bà N làm thủ tục chuyển tên cho bà để đối trừ số nợ, khi đó ông K, bà B, bà L và bà N có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế để lại toàn bộ diện tích phần đất cho bà M đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P, giao toàn bộ phần đất cho bà M để làm thủ tục chuyển nhượng cho bà.

Tuy nhiên sau khi bà lấy giấy chứng nhận QSDĐ về thì ông K bẻ kèo buộc bà phải đưa thêm cho ông K 450.000.000 đồng và cho ông K thuê lại phần đất là 10 năm. Bà không đồng ý nên không làm được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Nay bà yêu cầu hàng thừa kế hưởng di sản của ông Võ Văn Đ trả cho bà số tiền mà bà bỏ ra trả cho ngân hàng là 720.000.000 đồng  bà M1 không yêu cầu tính lãi suất.

- *Nguyên đơn bà Võ Ngọc N trình bày:* Bà N, bà B và bà L nghe bà M và ông K nói lại trong lúc thỏa thuận chuyển nhượng phần đất cho bà M1, bà M và ông K có thỏa thuận với bà M1 là để lại 4, 5 công đất cho bà B, bà L và bà N nên bà cùng bà B, bà L có đến Ủy ban nhân dân xã P làm Văn bản từ chối nhận di sản, việc bà M1 hứa để lại phần đất 4, 5 công đất chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản, việc từ chối nhận di sản của bà và bà B, bà L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Nay bà cùng bà B và bà L không thống nhất trả cho bà M1 số tiền bà M1 trả cho Ngân hàng, do bà M1 tự nguyện trả cho Ngân hàng, bà N, bà B và bà L không có yêu cầu bà M1 trả cho Ngân hàng nên bà M1 tự chịu khoản tiền này.

- *Bị đơn ông Võ Việt K trình bày:* Trong lúc chuyển nhượng phần đất cho bà M1, ông và bà M có thỏa thuận với bà M1 là để lại 4, 5 công đất cho bà B, bà L và bà N, đồng thời bà M1 còn hứa cho ông mượn hoặc vay với số tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng để ông có vốn làm ăn, việc từ chối nhận di sản do bà M1 hứa như trên nên ông cùng bà N, bà B và bà L có đến đến Ủy ban nhân dân xã P làm Văn bản từ chối nhận di sản. Nay ông thống nhất trả cho bà M1 số tiền bà M1 trả cho Ngân hàng tương ứng với diện tích đất mà ông nhận thừa kế.

*Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 261/2024/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2024  của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân Quyết định:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc B, bà Võ Ngọc L và bà Võ Ngọc N về việc chia thừa kế theo pháp luật mỗi người nhận 2.564,34m$^2$ đất.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Bé M1. Buộc bà Võ Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bé M1 số tiền 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 28/10/2024 bà N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm

Bà N không cung cấp thêm chứng cứ mới mà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Ông S không tranh luận

Bà M1 cho rằng các đương sự đã có văn bản khước từ thừa kế nên không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về tố tụng HĐXX và các đương sự chấp hành đúng quy định của bộ luật TTDS. Về nội dung không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, nên kiến nghị HĐXX giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung, về án phí sơ thẩm không buộc các nguyên đơn nộp là chưa phù hợp nên kiến nghị buộc các nguyên đơn phải nộp, kiến nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N sửa bản án dân sự sơ thẩm số 261/2024/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân và án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo được bà N thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, nên HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo của, bà theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền, cấp sơ thẩm xác định đúng thẩm quyền và thụ lý giải quyết đúng quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét kháng cáo của bà N: Tại phiên tòa các đương sự thừa nhận Tòa bộ phần đất của cụ Đ để lại trước khi cụ Đ chết cụ đã thế chấp cho Ngân hàng để vay số tiền 720.000.000đ chưa thanh toán. Số tiền này được bà M1 bỏ ra thanh toán vào ngày 20/10/2022, tính đến nay khoảng 28 tháng, nếu tính lãi theo suất quá hạn đến nay tiền lãi khoảng 241.920.000đ, tổng hai khoản vốn, lãi là 941.000.000đ, cụ Đ chết chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ, tài sản của cụ phải được ưu tiên thanh toán nợ trước, nêu còn mới đặt ra yêu cầu chia thừa kế. Mặt khác các nguyên đơn và ông K đã có văn bản từ chối nhận thừa kế và giao toàn bộ phần đất của cụ Đ cho bà M, mặc dù bà N cho rằng để xác lập các văn bản này bà M1 hứa chừa lại một phần diện tích 3.274,4m$^2$. Khi bà M1 thuê đo đạc có chừa lại phần diện tích này và có cắm cột mốc trụ đá, sau đó bà M1 thay đổi thỏa thuận. Tuy nhiên qua xem xét các văn bản khước từ thừa kế của các nguyên đơn và ông K thể hiện tại các bút lục 89,92,93,97 đều không thể hiện có thỏa thuận này, các văn bản từ chối nhận thừa kế này được các nguyên đơn và ông K ký tên điểm chỉ trước mặt cán bộ tiếp nhận hồ sơ UBND xã P, huyện P tỉnh Cà Mau, được UBND xã P ký chứng thực, nên không có căn cứ xác định việc từ chối nhận di sản của các nguyên đơn và ông K là có sự ép buộc hay bị lừa dối. Mặt khác cùng thời điểm này giấy chứng nhận QSDĐ của cụ Đ đang được thế chấp tại Ngân hàng, bản thân các nguyên đơn và bị đơn đều không có kinh phí để thanh toán nợ cho Ngân hàng mới đồng ý cho bà M1 bỏ tiền ra chuộc giấy chứng nhận QSDĐ của cụ Đ về để trừ nợ. Theo bản án dân sự số 77/2022/DS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân số nợ mà bà M và ông K phải thanh toán cho bà M1 là 1.318.000.000đ, 2,8 lượng vàng 24K và 9,2 lượng vàng 18K, cộng các khoản nợ lại thì tổng số nợ này lớn hơn giá trị đất các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế rất nhiều, do đó các nguyên đơn cùng ông K khước từ thừa kế giao hết cho bà M thanh toán nợ cho bà

M1 là có cơ sở, nên yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn là không phù hợp, vì vậy kháng cáo của bà N không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Về án phí: Án phí sơ thẩm các nguyên đơn phải chịu, vấn đề này án sơ thẩm không buộc các nguyên đơn phải chịu là chưa phù hợp. Án phí phúc thẩm: Bà N phải chịu theo quy định tại điều 148 Bộ luật TTDS.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét đến.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148, 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Ngọc N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 261/2024/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân . *Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc B, bà Võ Ngọc L và bà Võ Ngọc N về việc chia thừa kế theo pháp luật mỗi người nhận 2.564,34$m^2$ đất.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Bé M1. Buộc bà Võ Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bé M1 số tiền 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bà M1 đơn yêu cầu thi hành án nếu bà M không tự nguyện thanh toán xong số tiền trên cho bà M1 thì bà M còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền còn phải thi hành cho đến khi thi hành xong.*

3. Về chi phí tố tụng: Các bà Võ Ngọc B, Võ Ngọc L và Võ Ngọc N phải chịu 19.747.000 đồng, các bà đã thanh toán xong.

4. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Bà Võ Ngọc B, bà Võ Ngọc L và bà Võ Ngọc N mỗi người phải chịu 300.000đ, cùng ngày 21/11/2024 mỗi người đã nộp 1.960.000 đồng, tại các biên lai thu số 0003041, 0003042, 0003043 của Chi cục thi hành dân sự huyện P, được đối trừ mỗi người được nhận lại 1.660.000đ.

Bà Võ Thị Tuyết M phải chịu số tiền 32.800.000 đồng.

Bà Lê Thị Bé M1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 19.847.000 đồng tại lai thu số 0003330 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Án phí phúc thẩm: Bà Võ Ngọc N phải chịu 300.000 đồng, ngày 30 tháng 10 năm 2024 bà đã nộp tạm ứng số tiền này, theo lai thu số 0003985 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ninh Quang Thế**